

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Thanh Giảng	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Số : -15/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/03/2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (tại Việt Nam) và Công ty ChacKka Phan MiNing Group (tại Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào) với số tiền là 81.223.000.000 VND và khoản thu khác của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với số tiền là 61.025.555.900 VND chiếm 44,59% giá trị tài sản thuần của Công ty tại ngày 31/12/2014. Chúng tôi không xác nhận được số dư công nợ phải thu và số dư khoản đầu tư nêu trên. Đồng thời chúng tôi cũng không được Công ty cung cấp Báo cáo tài chính của Công ty ChacKka Phan MiNing Group và Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của khoản đầu tư và khoản phải thu khác nêu trên. Đồng thời chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nêu trên.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu của khách hàng đã quá hạn thanh toán. Với những tài liệu do Công ty cung cấp chúng tôi không thể ước tính được giá trị dự phòng phải trích lập.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán được lập thành (11) bản tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 10 bản Tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	31/12/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		550.552.739.738	518.926.242.636
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	84.752.407.731	69.804.762.242
1 Tiền	111		44.981.157.731	60.804.762.242
2 Các khoản tương đương tiền	112		39.771.250.000	9.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.013.815.861	236.345.578.449
1 Phải thu của khách hàng	131		175.279.116.163	167.471.024.522
2 Trả trước cho người bán	132		6.078.776.108	15.980.016.932
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	79.518.977.583	83.407.314.495
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.863.053.993)	(30.512.777.500)
IV Hàng tồn kho	140		214.684.083.472	193.781.827.652
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	214.684.083.472	193.781.827.652
V Tài sản ngắn hạn khác	150		33.102.432.674	18.994.074.293
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.038.622	142.576.672
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.842.377.305	7.989.810.961
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	2.680.079.958	2.492.821.309
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.	14.423.936.789	8.368.865.351
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		295.044.638.568	279.073.839.491
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		163.194.082.899	143.067.379.695
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	12.927.235.878	15.423.755.704
- Nguyên giá	222		39.417.858.678	37.676.461.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.490.622.800)	(22.252.705.966)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	881.367.500	881.367.500
- Nguyên giá	228		881.367.500	881.367.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	149.385.479.521	126.762.256.491
III Bất động sản đầu tư	240	V.8.	919.092.000	919.092.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	105.801.875.612	104.801.875.612
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.578.875.612	21.578.875.612
3 Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	83.223.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		2.504.588.057	3.135.492.184
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	1.935.962.852	2.745.492.184
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16.	178.625.205	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		390.000.000	390.000.000
VI Lợi thế thương mại	269	VII.3.	22.625.000.000	27.150.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		845.597.378.306	798.000.082.127

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		526.565.054.647	480.790.691.149
I Nợ ngắn hạn	310		484.075.863.397	480.334.644.899
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	88.374.719.720	107.113.998.093
2 Phải trả người bán	312		229.468.933.553	303.686.414.795
3 Người mua trả tiền trước	313		96.033.928.970	44.962.815.436
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	2.882.784.415	9.014.441.202
5 Phải trả người lao động	315		208.401.459	410.297.593
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	3.940.809.702	3.330.976.328
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	58.368.108.614	6.256.215.664
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.798.176.964	5.559.485.788
II Nợ dài hạn	330		42.489.191.250	456.046.250
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	42.489.191.250	456.046.250
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		249.495.935.482	249.576.740.622
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	249.495.935.482	249.576.740.622
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4 Cổ phiếu quỹ	414		(21.080.016.072)	(21.070.769.403)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		19.915.648.303	17.976.652.601
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		5.063.600.000	3.867.600.000
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.182.323.149)	(14.975.768.976)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		69.536.388.177	67.632.650.356
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		845.597.378.306	798.000.082.127

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	576.337.164.100	851.097.649.527
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		576.337.164.100	851.097.649.527
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	519.363.299.052	784.775.060.639
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56.973.865.048	66.322.588.888
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	1.205.103.834	1.564.439.940
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	11.365.460.823	13.491.019.529
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.275.624.344</i>	<i>13.471.570.444</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VII.4.	190.852.761	182.033.312
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5.	47.973.270.672	51.685.107.304
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.350.615.374)	2.528.868.683
11 Thu nhập khác	31	VII.6.	4.601.810.635	8.513.195.406
12 Chi phí khác	32	VII.7.	1.709.983.451	4.370.073.152
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.891.827.184	4.143.122.254
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	(3.721.124.388)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.541.211.810	2.950.866.549
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		860.548.786	1.463.852.090
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(178.625.205)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		859.288.229	1.487.014.459
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		714.677.480	860.533.653
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		144.610.749	626.480.806
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.23.	8	35

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		1.210.007.179.473	1.273.007.275.766
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(1.185.139.895.261)	(1.247.543.018.252)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.977.857.805)	(16.603.659.786)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(11.275.624.344)	(13.471.570.444)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.679.166.175)	(1.278.637.856)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		84.545.904.009	69.486.134.147
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(84.579.564.222)	(96.713.513.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.099.024.325)	(33.116.990.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(4.429.802.671)	(4.035.789.956)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		432.400.000	1.244.947.116
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	(2.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		733.539.306	2.232.485.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.263.863.365)	1.441.642.784
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		514.971.320.260	583.212.599.866
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(491.677.453.633)	(573.011.306.274)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(770.000)	(7.189.709.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23.293.096.627	3.011.584.112
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		14.930.208.937	(28.663.763.517)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69.804.762.242	98.468.525.759
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		17.436.552	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	84.752.407.731	69.804.762.242

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

4. Danh sách các Công ty con được thực hiện hợp nhất

- Tổng số các Công ty con 04 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội
 - Địa chỉ: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
 - Địa chỉ: Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,12%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60,12%
3. Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn
 - Địa chỉ: 96/108 Đường Trục, phường 13, Q. Bình Thạnh, HCM.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
4. Công ty Cổ phần sản xuất Cửa Hoa Kỳ
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,14%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,14%

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- Tổng số các Công ty liên kết: 01 Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất: 01 Công ty.
- Số lượng các Công ty liên kết không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty liên kết được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu
- Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 43,83%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,83%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2014. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi (lỗ) chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp thực tế đích danh

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

- Nhà cửa vật kiến trúc

Thời gian khấu hao <năm >

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**(tiếp theo)*

- Máy móc, thiết bị	02-07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty CP Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí) và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Trong đó, khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, góp vốn vào Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 01 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được ghi nhận là vay dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**(tiếp theo)*

Cổ phiếu quỹ là số cổ phiếu mua lại theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND và theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND và theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/01/2013 công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, doanh thu cho vay vốn và cổ tức được chia.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu cho vay vốn được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ quy định trong hợp đồng, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở thông báo chia cổ tức hoặc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của các công ty mà Công ty đầu tư vốn, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**(tiếp theo)*

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho khoản phải thu Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào bằng 70% số tiền nợ gốc và lãi vay đã quá hạn thanh toán 41 tháng với giá trị là 42.717.888.500 VND và Công ty Licogi bằng 100% số tiền nợ gốc quá hạn thanh toán trên 03 năm với giá trị 145.165.493 VND.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định.

11.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, giá vốn cho thuê máy móc thiết bị.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế phát sinh của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	595.915.839	385.745.989
Tiền gửi ngân hàng	44.385.241.892	60.419.016.253
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>28.362.308.284</i>	<i>49.098.963.944</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	7.241.554.535	37.165.857.536
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	21.120.753.749	11.933.106.408
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	<i>6.571.672.727</i>	<i>5.302.332.038</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	5.475.090.049	3.784.876.455
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	1.096.582.678	1.517.455.583
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>3.163.274.454</i>	<i>806.929.459</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	753.737.828	806.929.459
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	1.000.800	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hà Nội	2.408.535.826	-
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	<i>3.534.997.838</i>	<i>67.359.862</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	31.724.699	66.492.063
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - PGD Hoàng Quốc Việt	3.502.547.516	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Hoàn Kiếm	725.623	867.799
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	<i>2.752.988.589</i>	<i>5.143.430.950</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	2.752.988.589	5.143.430.950
Các khoản tương đương tiền	39.771.250.000	9.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	22.700.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng Thương mại CP Quân đội	17.071.250.000	9.000.000.000
Tổng cộng	84.752.407.731	69.804.762.242
2. Các khoản phải thu khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>78.946.705.857</i>	<i>81.130.539.583</i>
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	3.137.059.967	5.320.893.693
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	<i>498.608.071</i>	<i>889.897.160</i>
Thuế thu nhập cá nhân	150.873.998	130.578.298
Bảo hiểm xã hội	3.210.094	9.700.214
Bảo hiểm y tế	8.660.139	8.660.139
Phải thu khác	335.863.840	740.958.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	40.000.000	206.076.050
Lãi phải thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	161.242.510
Bảo hiểm xã hội	40.000.000	-
Các khoản phải thu khác	-	44.833.540
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	19.163.655	9.008.000
Phải thu BHXH	-	7.488.710
Phải thu khác	19.163.655	1.519.290
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	14.500.000	1.171.793.702
Tổng cộng	79.518.977.583	83.407.314.495

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

3. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.248.657.233	84.990.252
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	211.435.150.239	193.696.837.400
Thành phẩm	276.000	
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	214.684.083.472	193.781.827.652

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2014 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Ngân hàng công thương Ba Đình; Chung cư CT15, CT16 Tư Hiệp; Bệnh viện Châm cứu trung ương; Bệnh viện Chợ Rẫy; ...

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.630.208.292	2.492.821.309
Thuế thu nhập cá nhân	49.871.666	-
Tổng cộng	2.680.079.958	2.492.821.309

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2014		5.118.660.660	23.614.941.608	8.560.090.044	382.769.358	37.676.461.670
Mua trong năm		-	3.604.463.065	-	-	3.604.463.065
Đầu tư XD CB hoàn thành		-	-	-	-	-
Tặng khác		-	-	-	14.111.391	14.111.391
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		(194.290.000)	(1.627.227.430)	-	-	(1.821.517.430)
Giảm khác		-	(41.660.018)	(14.000.000)	-	(55.660.018)
Số dư ngày 31/12/2014		4.924.370.660	25.550.517.225	8.546.090.044	396.880.749	39.417.858.678
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2014		2.074.659.678	13.963.297.738	5.843.945.617	370.802.933	22.252.705.966
Khấu hao trong năm		490.044.880	4.448.471.310	1.017.929.221	31.162.514	5.987.607.925
Tặng khác		-	-	47.001.307	4.233.329	51.234.636
Thanh lý, nhượng bán		(194.290.000)	(1.488.994.473)	-	-	(1.683.284.473)
Giảm khác		-	(92.894.654)	-	(24.746.600)	(117.641.254)
Số dư ngày 31/12/2014		2.370.414.558	16.829.879.921	6.908.876.145	381.452.176	26.490.622.800
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014		3.044.000.982	9.651.643.870	2.716.144.427	11.966.425	15.423.755.704
Tại ngày 31/12/2014		2.553.956.102	8.720.637.304	1.637.213.899	15.428.573	12.927.235.878

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.882.476.353 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.086.462.153 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND	
		Tổng cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2014	881.367.500	881.367.500	
Mua trong năm	-	-	
Số dư ngày 31/12/2014	881.367.500	881.367.500	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2014	-	-	
Khấu hao trong năm	-	-	
Số dư ngày 31/12/2014	-	-	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	881.367.500	881.367.500	
Tại ngày 31/12/2014	881.367.500	881.367.500	

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	2.660.420.963	2.395.316.363
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	146.725.058.558	124.366.940.128
Tổng cộng	149.385.479.521	126.762.256.491

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2014
Nguyên giá BĐS đầu tư	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		22.578.875.612		21.578.875.612
Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu	43,83%	22.578.875.612	43,40%	21.578.875.612
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty Chakkaphanh Mining Group	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
Tổng cộng		105.801.875.612		104.801.875.612
10. Chi phí trả trước dài hạn			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>			1.598.955.641	2.452.706.782
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ			1.598.955.641	2.452.706.782
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội</i>			156.160.819	101.636.231
Chi phí thuê văn phòng			-	34.162.521
Dàn giáo thép			-	50.833.333
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng			156.160.819	16.640.377
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>			166.323.121	158.274.505
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ			166.323.121	158.274.505
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>			14.523.271	32.874.666
Công cụ, dụng cụ			13.890.121	29.708.916
Chi phí khác			633.150	3.165.750
Tổng cộng			1.935.962.852	2.745.492.184
11. Vay và nợ ngắn hạn			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Vay ngắn hạn			88.374.719.720	107.113.998.093
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>			60.862.201.555	70.277.770.659
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)			38.846.464.510	50.585.092.915
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)			22.015.737.045	19.692.677.744
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>			5.905.918.165	16.836.227.434
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)			5.905.918.165	16.836.227.434
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>			1.606.600.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội (iv)			1.606.600.000	-
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>			20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (v)			20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng			88.374.719.720	107.113.998.093

i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 852/TXU ngày 12/11/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho Văn phòng Công ty là 60 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 30/9/2014. Thời gian cho vay: tối đa 09 tháng/khế ước. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân. Kỳ tính lãi theo tháng, thu gốc cuối kỳ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 784CV/CNTHN-KHDN ngày 01/8/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng đến ngày 31/7/2014. Phương thức cấp tín dụng: theo phương thức từng lần. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 12 tháng/giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo các Hợp đồng hạn mức tín dụng số 33.12.003.44541.TD ngày 09/2/2012, số 85.12.003.44541.TD ngày 28/3/2012, số 185.12.003.44541.TD ngày 17/7/2012, số 285.12.003.44541.TD ngày 05/12/2012, số 286.12.003.44541.TD ngày 05/12/2012. Số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất áp dụng ghi nhận theo từng khế ước cho mỗi lần vay. Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu HONDA CRV 2.4L AT RE3, sản xuất năm 2008, màu nâu vàng, số khung: RLHRE 3871AY000393, số máy: K24Z1 4840391, BKS 30A-02111.

(iv) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2269/14/TD-TT/II.24 ngày 24/11/2014. Ngân hàng đồng ý cho bên vay, vay số tiền: 172.101,20 USD quy đổi VND tại thời điểm giải ngân, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay theo quy định của ABBank tại thời điểm giải ngân, giá trị tài sản bảo đảm: 8.675.766.000 VND chi tiết trong hợp đồng thế chấp 1934/14/TC-TT/II.24 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1578/TD-TT/II.24 ngày 22/10/2014 số tiền vay là 348.000.000 VND lãi suất 9,5%, thời hạn vay 6 tháng, tài sản đảm bảo: 580.247.500 VND chi tiết trong hợp đồng cầm cố/ thế chấp tài sản số 1325/14/TC-TT/II.24 ngày 22/10/2014.

(v) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2193.13.202.911826.TD ngày 14 tháng 11 năm 2013 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng số 02-2193.13.202.911826 ngày 10/01/2014 thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay 9%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thi công; tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở, máy móc thiết bị, xe ô tô...

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.481.617.481	7.975.311.619
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	237.282.432	909.227.384
Thuế Thu nhập cá nhân	163.884.502	129.902.199
Tổng cộng	2.882.784.415	9.014.441.202
13. Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	3.940.809.702	3.330.976.328
Tổng cộng	3.940.809.702	3.330.976.328
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>3.009.946.725</i>	<i>3.393.206.826</i>
Cổ tức phải trả	699.741.000	700.511.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	-	390.000.000
Kinh phí công đoàn	122.755.600	-
Phải trả khác	2.187.450.125	2.302.695.826

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	1.323.650.778	1.372.478.007
Kinh phí công đoàn	29.222.400	29.454.660
Bảo hiểm thất nghiệp	169.800	49.800
Ký quỹ công trình	1.000.000.000	1.100.000.000
Phải trả khác	294.258.578	242.973.547
<i>Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	53.552.000.000	17.150.000
Phải trả khác	-	17.150.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch (i)	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần TH Thăng Long (ii)	10.621.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Minh Vũ	21.000.000	-
Khách đặt cọc mua nhà ở	2.910.000.000	-
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	75.089.797	963.280.780
Kinh phí công đoàn	36.709.797	20.551.180
Cổ tức phải trả	38.380.000	924.729.600
Đối tượng khác	-	18.000.000
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	407.421.314	510.100.051
Bảo hiểm xã hội	-	102.278.737
Phải trả khác	407.421.314	407.821.314
Tổng cộng	58.368.108.614	6.256.215.664

(i) Hợp đồng số 288 ngày 15/10/2014 cho vay không lãi suất phục vụ thi công CT5, CT6

(ii) Hợp đồng số 14 ngày 18/9/2014 chuyển nhượng dự án đầu tư DA trường Tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo

15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	252.591.250	456.046.250
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	252.591.250	456.046.250
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	252.591.250	456.046.250
<i>Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	42.236.600.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	42.236.600.000	-
Tổng cộng	42.489.191.250	456.046.250

(i) Hợp đồng số 208.13.003.829975.TD ngày 27/8/2013 số tiền tối đa 300.000.000 VND thời hạn 36 tháng; lãi suất 14,8%/năm, biên độ 6%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần nhận theo từng khế ước nhận nợ để thanh toán một phần mua máy móc thiết bị và Hợp đồng số 136.13.003.829975 ngày 26/7/2013 số tiền tối đa 206.910.000 VND; lãi suất 15,2%/năm, biên độ 5,9%/năm; thời hạn vay 24 tháng. Mục đích vay để thanh toán bộ dây chuyền chà nhám.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014-HĐTDDA/NHCT106-Hong Ha Dau Khi ngày 1/6/2014 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, Vay cho mục đích để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở xã hội cho cán bộ công chức có thu nhập thấp của Bộ Tài chính tại ô đất kí hiệu N05 thuộc quỹ đất 20% của Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp - Thanh Trì, thời hạn vay các khoản nợ là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Lãi suất cho vay của khoản nợ được xác định theo lãi suất cụ thể của Ngân hàng theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 5%/năm áp dụng cho năm 2014, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất của ngân hàng nhưng không vượt quá 6%/năm. Thế chấp khoản vay bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của Dự án và toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh liên quan đến Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở xã hội cho cán bộ công chức có thu nhập thấp của Bộ Tài chính tại ô đất kí hiệu N05 thuộc quỹ đất 20% của Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp - Thanh Trì.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	178.625.205	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	178.625.205	-

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(10.410.378.409)	249.286.396.091
Lãi trong năm trước	-	-	626.480.806	626.480.806
Giảm khác	-	-	(5.191.871.373)	(5.191.871.373)
Số dư tại ngày 31/12/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(14.975.768.976)	244.721.005.524
Lãi trong năm nay	-	-	144.610.749	144.610.749
Giảm khác	-	-	(3.351.164.922)	(3.351.164.922)
Số dư tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	59.696.774.500	(18.182.323.149)	241.514.451.351

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cổ đông của Công ty	200.000.000.000	200.000.000.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

17.4 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

17.5 Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

17.6 Các quỹ của công ty

	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	17.976.652.601	1.938.995.702	-	19.915.648.303
Quỹ dự phòng tài	3.867.600.000	1.196.000.000	-	5.063.600.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.251.900	-	-	4.082.251.900
Tổng cộng	25.926.504.501	3.134.995.702	-	29.061.500.203

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

18. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	560.608.420.808	812.395.041.540
Doanh thu hoạt động khác	15.728.743.292	38.702.607.987
Tổng cộng	576.337.164.100	851.097.649.527
19. Giá vốn hàng bán	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	504.048.599.956	744.815.999.802
Giá vốn hoạt động khác	15.314.699.096	39.959.060.837
Tổng cộng	519.363.299.052	784.775.060.639
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.037.247.453	1.558.474.940
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.472.635	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	-
Doanh thu tài chính khác	383.746	5.965.000
Tổng cộng	1.205.103.834	1.564.439.940
21. Chi phí tài chính	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.275.624.344	13.471.570.444
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.836.479	-
Chi phí tài chính khác	-	19.449.085
Tổng cộng	11.365.460.823	13.491.019.529
22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	742.642.073.013	990.824.713.226
Chi phí nhân công	121.633.937.061	175.215.888.283
Chi phí máy thi công	13.803.822.108	28.796.416.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.987.607.925	6.529.279.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	133.892.606.765	73.140.804.567
Tổng cộng	1.017.960.046.872	1.274.507.101.897
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	144.610.749	626.480.806
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	144.610.749	626.480.806
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.118.427
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	35

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

24. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.752.407.731	69.804.762.242
Phải thu khách hàng và phải thu khác	211.935.039.753	220.365.561.517
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	105.801.875.612	104.801.875.612
Tổng cộng	402.489.323.096	394.972.199.371
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	130.863.910.970	107.570.044.343
Phải trả người bán và phải trả khác	287.837.042.167	309.942.630.459
Chi phí phải trả	3.940.809.702	3.330.976.328
Tổng cộng	422.641.762.839	420.843.651.130

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	287.837.042.167	-	287.837.042.167
Chi phí phải trả	3.940.809.702	-	3.940.809.702
Các khoản vay	88.374.719.720	42.489.191.250	130.863.910.970
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	309.942.630.459	-	309.942.630.459
Chi phí phải trả	3.330.976.328	-	3.330.976.328
Các khoản vay	107.113.998.093	456.046.250	107.570.044.343

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.752.407.731	-	84.752.407.731
Các khoản đầu tư tài chính	-	105.801.875.612	105.801.875.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	254.798.093.746	-	254.798.093.746
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.804.762.242	-	69.804.762.242
Các khoản đầu tư tài chính	-	104.801.875.612	104.801.875.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.878.339.017	-	250.878.339.017

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.080.349.994	1.125.422.722
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	<i>75.072.775</i>	<i>40.318.000</i>
Nguyễn Minh Cảnh	10.018.000	10.018.000
Nguyễn Mạnh Chiến	10.600.000	13.000.000
Trần Việt Cường	6.300.000	6.300.000
Các đối tượng khác	48.154.775	11.000.000
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>5.000.000</i>	<i>11.000.000</i>
Nguyễn Văn Hòa	-	6.000.000
Nguyễn Văn Hùng	5.000.000	5.000.000
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	<i>20.000.000</i>	<i>13.785.691</i>
Lê An Giang	4.000.000	4.000.000
Nguyễn Ngọc Lương	8.000.000	5.000.000
Đối tượng khác	8.000.000	4.785.691
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	<i>980.277.219</i>	<i>1.060.319.031</i>
Bùi Huy Long	936.475.429	859.305.805
Trần Chu Bảo	-	119.490.000
Các đối tượng khác	43.801.790	81.523.226
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	13.343.586.795	7.243.442.629
<i>Công ty CP Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>12.075.120.359</i>	<i>3.697.795.066</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	8.795.266.913	3.697.795.066
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.279.853.446	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	-	564.119.550
Ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	564.119.550
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	306.496.780	1.481.506.413
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	961.969.656	1.500.021.600
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	961.969.656	1.500.021.600
Tổng cộng	14.423.936.789	8.368.865.351
3. Lợi thế thương mại	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào:		
<i>Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	22.625.000.000	27.150.000.000
Tổng cộng	22.625.000.000	27.150.000.000
Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong thời gian 10 năm.		
4. Chi phí bán hàng	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.852.761	182.033.312
Tổng cộng	190.852.761	182.033.312
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.996.043.133	17.251.808.790
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.471.164.886	1.468.398.131
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.326.183.436	2.346.922.946
Thuế, phí và lệ phí	15.425.000	166.891.690
Chi phí dự phòng	12.350.276.493	14.012.777.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.028.913.280	8.360.089.352
Chi phí bằng tiền khác	3.260.264.444	3.553.218.895
Lợi thế thương mại	4.525.000.000	4.525.000.000
Tổng cộng	47.973.270.672	51.685.107.304
6. Thu nhập khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.076.090.908	4.241.676.336
Thu nhập khác	3.525.719.727	4.271.519.070
Tổng cộng	4.601.810.635	8.513.195.406
7. Chi phí khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	316.694.780	2.551.841.683
Chi phí khác	1.393.288.671	1.818.231.469
Tổng cộng	1.709.983.451	4.370.073.152

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)*

8. Báo cáo bộ phận

8.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2014

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
							(1)
1. Doanh thu bán hàng	321.023.289.732	66.166.035.410	623.051.666.759	1.010.240.991.901	(433.903.827.801)	576.337.164.100	
2. Giá vốn hàng bán	303.998.455.644	63.783.706.367	584.673.032.092	952.455.194.103	(433.091.895.051)	519.363.299.052	
Lợi nhuận gộp	17.024.834.088	2.382.329.043	38.378.634.667	57.785.797.798	(811.932.750)	56.973.865.048	

8.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)*

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tài sản							
Tài sản bộ phận	734.677.016.969	4.436.929.990	362.787.502.404	1.101.901.449.363	(256.304.071.057)	845.597.378.306	
Tổng tài sản hợp nhất	734.677.016.969	4.436.929.990	362.787.502.404	1.101.901.449.363	(256.304.071.057)	845.597.378.306	
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	513.847.087.719	-	125.082.260.524	638.929.348.243	(112.364.293.596)	526.565.054.647	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	513.847.087.719	0	125.082.260.524	638.929.348.243	(112.364.293.596)	526.565.054.647	

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tài sản							
Tài sản bộ phận	788.518.653.626	9.736.929.990	241.416.161.265	1.039.671.744.881	(241.671.662.754)	798.000.082.127	
Tổng tài sản hợp nhất	788.518.653.626	9.736.929.990	241.416.161.265	1.039.671.744.881	(241.671.662.754)	798.000.082.127	
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	580.665.083.199	390.000.000	12.712.971.617	593.768.054.816	(112.977.363.667)	480.790.691.149	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	580.665.083.199	390.000.000	12.712.971.617	593.768.054.816	(112.977.363.667)	480.790.691.149	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND	
						(6 = 4 + 5)	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)	
Doanh thu	916.021.827.850	20.838.881.000	73.380.283.051	1.010.240.991.901	(433.903.827.801)	576.337.164.100	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu thuần	916.021.827.850	20.838.881.000	73.380.283.051	1.010.240.991.901	(433.903.827.801)	576.337.164.100	
Doanh thu hoạt động tài chính	879.412.797	-	3.120.491.037	3.999.903.834	(2.794.800.000)	1.205.103.834	
Chi phí sản xuất kinh doanh	903.021.299.984	19.659.319.000	84.779.159.375	1.007.459.778.359	(428.566.895.051)	578.892.883.308	
- Giá vốn hàng bán	861.660.006.910	19.659.319.000	71.135.868.193	952.455.194.103	(433.091.895.051)	519.363.299.052	
- Chi phí tài chính	11.198.116.080	-	167.344.743	11.365.460.823	-	11.365.460.823	
- Chi phí bán hàng	-	-	190.852.761	190.852.761	-	190.852.761	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.163.176.994	-	13.285.093.678	43.448.270.672	4.525.000.000	47.973.270.672	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.879.940.663	1.179.562.000	(8.278.385.287)	6.781.117.376	(8.131.732.750)	(1.350.615.374)	
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận khác	(182.070.243)	-	3.073.897.427	2.891.827.184	-	2.891.827.184	
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	13.697.870.420	1.179.562.000	(5.204.487.860)	9.672.944.560	(8.131.732.750)	1.541.211.810	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2013

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND	
						(6 = 4 + 5)	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)	
Doanh thu	1.266.673.806.398	-	45.979.012.060	1.312.652.818.458	(461.555.168.931)	851.097.649.527	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu thuần	1.266.673.806.398	-	45.979.012.060	1.312.652.818.458	(461.555.168.931)	851.097.649.527	
Doanh thu hoạt động tài chính	1.386.297.727	-	1.084.142.213	2.470.439.940	(906.000.000)	1.564.439.940	
Chi phí sản xuất kinh doanh	1.244.023.184.181	-	66.861.329.922	1.310.884.514.103	(460.751.293.319)	850.133.220.784	
- <i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>1.199.479.228.170</i>	-	<i>46.851.001.400</i>	<i>1.246.330.229.570</i>	<i>(461.555.168.931)</i>	<i>784.775.060.639</i>	
- <i>Chi phí tài chính</i>	<i>13.448.679.795</i>	-	<i>3.763.464.122</i>	<i>17.212.143.917</i>	<i>(3.721.124.388)</i>	<i>13.491.019.529</i>	
- <i>Chi phí bán hàng</i>	-	-	<i>182.033.312</i>	<i>182.033.312</i>	-	<i>182.033.312</i>	
- <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>31.095.276.216</i>	-	<i>16.064.831.088</i>	<i>47.160.107.304</i>	<i>4.525.000.000</i>	<i>51.685.107.304</i>	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.036.919.944	-	(19.798.175.649)	4.238.744.295	(1.709.875.612)	2.528.868.683	
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	(3.721.124.388)	(3.721.124.388)	-	(3.721.124.388)	
Lợi nhuận khác	1.925.900.757	-	2.217.221.497	4.143.122.254	-	4.143.122.254	
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	25.962.820.701	-	(21.302.078.540)	4.660.742.161	(1.709.875.612)	2.950.866.549	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh